

Vũ Việt Linh

Trưởng Phòng, Ngành Kinh Tế Vĩ Mô
linh.vuviet@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4870

Phạm Vũ Thăng Long

Giám đốc, Kinh Tế Vĩ Mô
long.pvthang@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4805

Bão Yagi tác động hạn chế tới CPI

- Trong báo cáo này, chúng tôi sẽ (i) so sánh thiệt hại gây ra bởi bão Yagi với các thảm họa lớn trong quá khứ và (ii) đánh giá tác động của bão tới CPI.
- Bão Yagi nhiều khả năng sẽ là thảm họa tự nhiên có tác động kinh tế lớn nhất tính theo giá trị danh nghĩa. Tuy nhiên, nếu xem xét tác động tương đối so với GDP danh nghĩa, bão Yagi chỉ xếp thứ 9 với 0,36%, thấp hơn nhiều so với bão Linda đứng ở vị trí đầu tiên (1,13%, năm 1996).
- HSC dự báo bão Yagi sẽ chỉ tác động hạn chế tới CPI. Trong quá khứ, chúng tôi nhận thấy giá lương thực & thực phẩm (chiếm 34-40% tỷ trọng giỏ CPI) vẫn khá ổn định sau những đợt thiên tai nghiêm trọng.

Yagi có thể là cơn bão gây thiệt hại lớn nhất theo giá hiện tại

Sau khi đánh giá tác động lên GDP Việt Nam trong Báo cáo tiếng Anh [Tác động tiềm năng của bão Yagi lên GDP của Việt Nam](#), báo cáo này sẽ đánh giá tác động của bão Yagi lên CPI, đồng thời so sánh chi tiết hơn về thiệt hại gây ra bởi cơn bão này với các thảm họa lớn khác trong quá khứ.

Bão Yagi có thể sẽ là thảm họa tự nhiên có tác động kinh tế lớn nhất theo giá hiện tại. Tuy nhiên, khi xem xét tác động so với GDP danh nghĩa, bão Yagi chỉ xếp thứ 9 ở mức 0,36%, thấp hơn đáng kể so với cơn bão Linda (1,13%, năm 1996) ở vị trí dẫn đầu. Điều này cho thấy nền kinh tế Việt Nam đã trải qua nhiều thảm họa có tác động nghiêm trọng hơn trong quá khứ.

Bão Yagi tác động hạn chế tới CPI

Trong quá khứ, chúng tôi nhận thấy giá lương thực & thực phẩm (chiếm 34-40% tỷ trọng giỏ CPI) vẫn khá ổn định sau những thảm họa tự nhiên lớn, từ đó sức ép lạm phát là không lớn. Ngoài ra, ở một số trường hợp CPI đã tăng đáng kể trong 5-6 tháng sau thảm họa, nguyên nhân chủ yếu là do chính sách tiền tệ mở rộng và đồng nội tệ mất giá đáng kể, thay vì do sức ép chi phí trực tiếp từ thảm họa.

Do đó, HSC giữ nguyên dự báo CPI tổng thể của Việt Nam bình quân ở mức 3,8% trong năm 2024 (3,3% trong năm 2023), sau đó hạ nhiệt xuống lần lượt 3,4% và 3,3% trong 2025-2026.

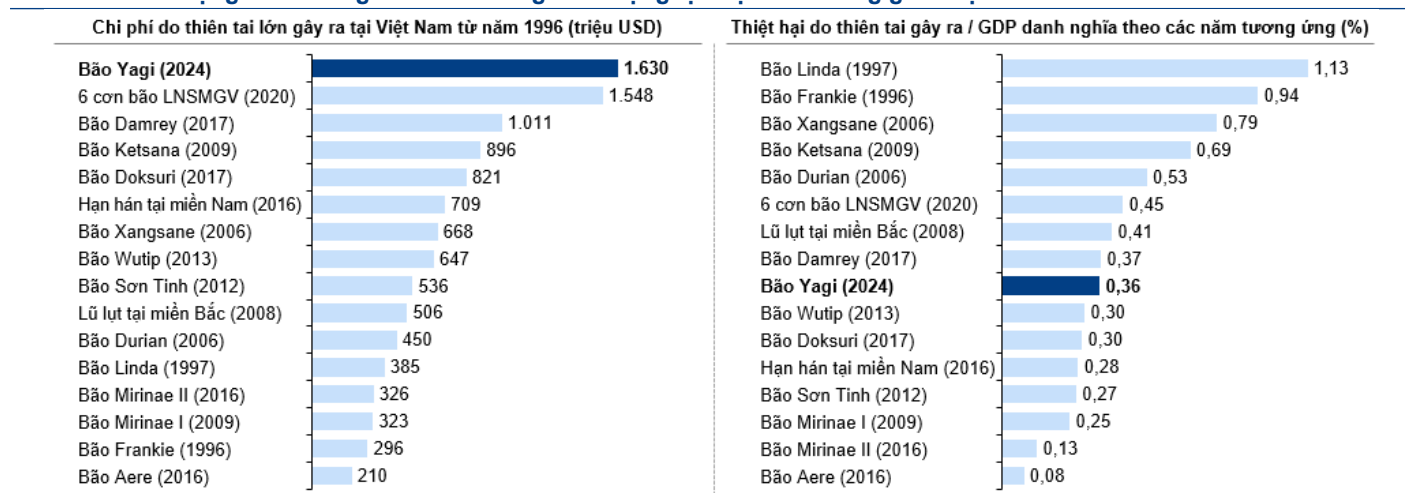
Bão Yagi nhấn mạnh sự cần thiết của việc tăng cường nỗ lực hướng tới phát triển bền vững đối với Việt Nam

Việt Nam là một trong những quốc gia chịu ảnh hưởng nặng nề nhất của thiên tai. Trong giai đoạn từ năm 1990-2023, chi phí bình quân hàng năm do thiên tai gây ra ước tính ở mức 0,5% GDP, cao hơn nhiều so với mức trung bình toàn cầu là 0,2%. Nếu không có các biện pháp thích ứng phù hợp, biến đổi khí hậu có thể khiến Việt Nam thiệt hại 12%-14,5% GDP vào năm 2050.

Điều này nhấn mạnh nhu cầu cấp thiết phải tích hợp các hoạt động bền vững vào chiến lược phát triển của Việt Nam (có thể sẽ không rõ, đặc biệt là trong ngắn hạn).

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 16/9.

Biểu đồ 1: Tác động của những lần thiên tai nghiêm trọng tại Việt Nam trong giai đoạn 1996-2024



Nguồn: Liên hợp quốc, IMF, MARD, HSC

Cập nhật dự báo kinh tế hàng tháng

Báo cáo của chúng tôi tập trung đánh giá tác động bão Yagi lên CPI, đồng thời so sánh thiệt hại gây ra bởi cơn bão này với các thảm họa lớn khác trong quá khứ. Dựa trên số liệu quá khứ, HSC ước tính tác động bão Yagi lên CPI không đáng kể. Bão Yagi cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của phát triển bền vững với Việt Nam.

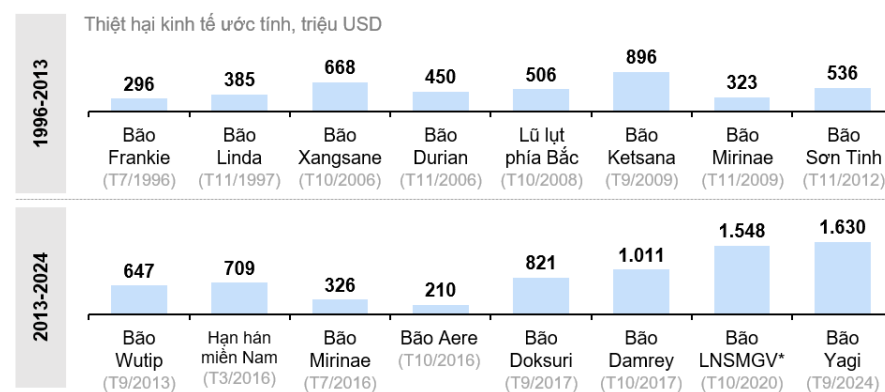
Yagi có thể là cơn bão gây thiệt hại lớn nhất theo giá hiện tại

Dầu T9/2024, bão Yagi đổ bộ vào miền Bắc Việt Nam và có thể là thảm họa tự nhiên có tác động kinh tế lớn nhất theo giá hiện tại (Mời xem: [Super typhoon Yagi caused Vietnam US\\$1.6bn damages](#), T9/2024, Vietnam News) (Biểu đồ 2).

Tuy nhiên, khi xem xét tác động so với GDP danh nghĩa, bão Yagi chỉ xếp thứ 9 ở mức 0,36%, thấp hơn đáng kể so với cơn bão Linda (1,13%, năm 1996) (Biểu đồ 3). Điều này cho thấy nền kinh tế Việt Nam đã phải chịu đựng nhiều thảm họa có tác động nghiêm trọng hơn trong quá khứ.

Biểu đồ 2: Tổng hợp các thiên tai lớn tại Việt Nam từ năm 1996

Bão Yagi xảy ra vào tháng 9/2024 có khả năng gây thiệt hại nặng nề nhất trên danh nghĩa



Nguồn: Liên hợp quốc, MARD, HSC

*Trong đó có 6 cơn bão nối tiếp nhau là Linfa, Nangka, Saudel, Molave, Goni và Vamco

Biểu đồ 3: Xếp hạng các thiên tai lớn theo tổng thiệt hại trên GDP danh nghĩa

So với GDP, tác động của cơn bão Yagi có vẻ ít nghiêm trọng hơn

Năm	Sự kiện	Khu vực bị ảnh hưởng	Số người chết nghìn	Số nhà bị hư hỏng nghìn	Diện tích lúa bị ngập nghìn ha	Gia súc & gia cầm chết nghìn	Tổng thiệt hại/ GDP (%)*
1997	Bão Linda	Miền Nam	3,111	312	323	N/a	1,13
1996	Bão Frankie	Miền Bắc	100	194	177	N/a	0,94
2006	Bão Xangsane	Miền Trung	72	349	22	75	0,79
2009	Bão Ketsana	Miền Trung	179	264	43	854	0,69
2006	Bão Durian	Miền Nam	85	241	28	N/a	0,53
2020	Bão LNSMGV	Miền Trung	192	241	17	3,678	0,45
2008	Northern flood	Miền Bắc	101	232	79	839	0,41
2017	Bão Damrey	Miền Trung	107	138	11	658	0,37
2024	Bão Yagi	Miền Bắc	348	232	190	2,600	0,36
2013	Bão Wutip	Miền Trung	13	236	7	607	0,30
2017	Bão Doksuri	Miền Trung	6	195	13	207	0,30
2016	Southern drought	Miền Nam	0	0	245	8	0,28
2012	Bão Son Tinh	Miền Bắc	8	61	34	348	0,27
2009	Bão Mirinae I	Miền Nam	124	110	19	524	0,25
2016	Bão Mirinae II	Miền Bắc	5	35	93	516	0,13
2016	Bão Aere	Miền Trung	37	137	3	1,003	0,08

Nguồn: Liên hợp quốc, MARD, HSC

* Tổng thiệt hại/GDP danh nghĩa (%) trong các năm tương ứng

Tác động của bão Yagi lên CPI có vẻ không lớn

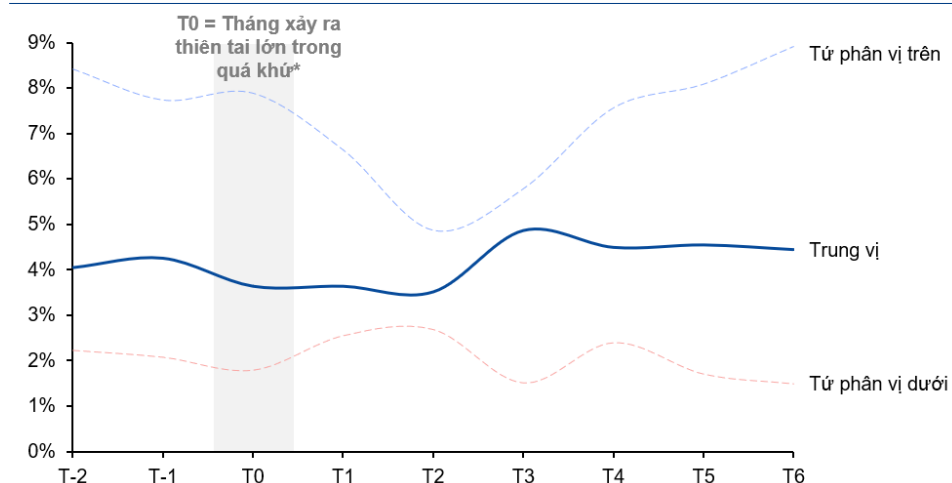
Trong quá khứ, chúng tôi nhận thấy giá lương thực & thực phẩm (chiếm 34-40% tỷ trọng giỏ CPI) vẫn khá ổn định sau những thảm họa tự nhiên lớn, từ đó sức ép lên lạm phát là không lớn (Biểu đồ 4 & 5)

Ngoài ra, trong một số trường hợp CPI đã tăng đáng kể trong 5-6 tháng sau thảm họa, điều này chủ yếu do chính sách tiền tệ mở rộng và đồng nội tệ mất giá đáng kể, thay vì do sức ép chi phí trực tiếp từ thảm họa (Mời xem Biểu đồ 9 & 10 trong Phụ lục).

Từ đó, HSC giữ nguyên dự báo CPI tổng thể của Việt Nam bình quân ở mức 3,8% cho năm 2024 (so với 3,3% trong năm 2023), sau đó hạ nhiệt xuống lần lượt 3,4% và 3,3% trong năm 2025 và 2026 (Mời xem: [Sức ép lạm phát giảm khi Fed bắt đầu nới lỏng](#), tháng 9/2024, HSC).

Biểu đồ 4: CPI lương thực & thực phẩm trong những giai đoạn xảy ra thảm họa thiên nhiên lớn trong quá khứ (svck)

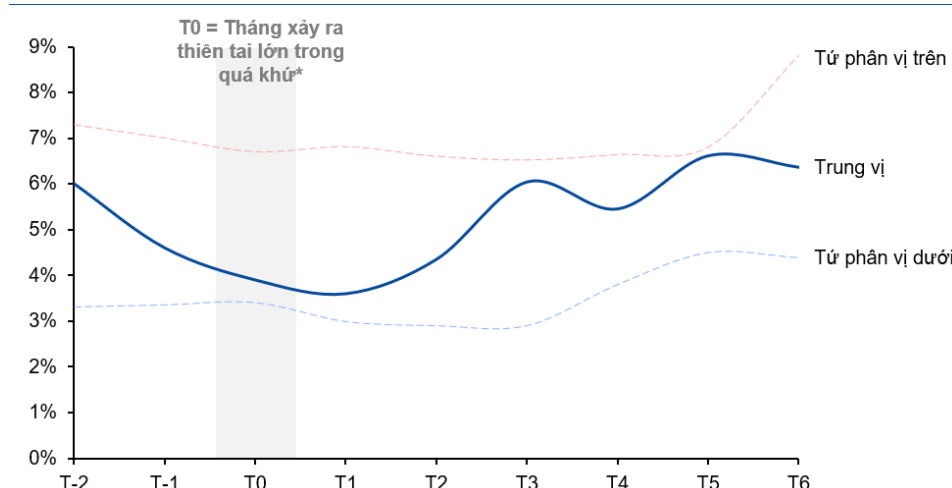
Giá lương thực & thực phẩm có xu hướng duy trì ổn định sau những thiên tai lớn



Nguồn: GSO, HSC
* Những thảm họa trong nghiên cứu của HSC bao gồm các cơn bão Frankie (1996), Linda (1997), Xangsane (2006), Durian (2008), Ketsana (2009), Sơn Tinh (2012), Wutip (2013), Doksuri (2017) và LNSMGV (2020).

Biểu đồ 5: CPI tổng thể trong những giai đoạn xảy ra thảm họa thiên nhiên lớn trong quá khứ (svck)

Trong một số trường hợp, CPI đã tăng đáng kể trong 5-6 tháng sau thảm họa, điều này chủ yếu do chính sách tiền tệ mở rộng và đồng nội tệ mất giá đáng kể



Nguồn: GSO, HSC

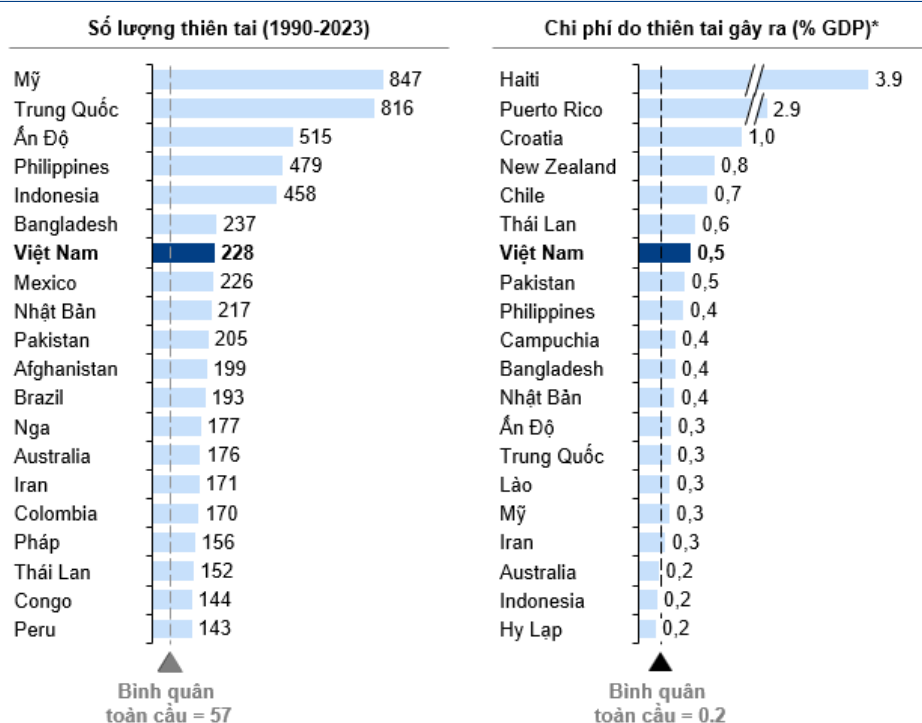
Bão Yagi nhấn mạnh sự cần thiết của việc tăng cường nỗ lực hướng tới phát triển bền vững đối với Việt Nam

Việt Nam là một trong những quốc gia chịu ảnh hưởng lớn nhất bởi thiên tai (Biểu đồ 6), với nhiều thách thức từ bão, nước biển dâng cao và môi trường xuống cấp. Trong giai đoạn 1990-2023, thiệt hại bình quân hàng năm do thiên tai ước tính ở mức 0,5% GDP, cao hơn nhiều so với mức trung bình toàn cầu là 0,2%.

Tăng trưởng kinh tế và công nghiệp hóa nhanh chóng đã ảnh hưởng đến hệ sinh thái của Việt Nam, làm gia tăng ảnh hưởng biến đổi khí hậu (Biểu đồ 7). Nếu không có các biện pháp thích ứng phù hợp, biến đổi khí hậu có thể khiến Việt Nam thiệt hại 12%-14,5% GDP vào năm 2050 (Mời xem: [Vietnam CCDR](#), T7/2022, World Bank).

Biểu đồ 6: Tần suất & chi phí do thiên tai gây ra

Việt Nam nằm trong số những quốc gia chịu ảnh hưởng nặng nề nhất của thiên tai

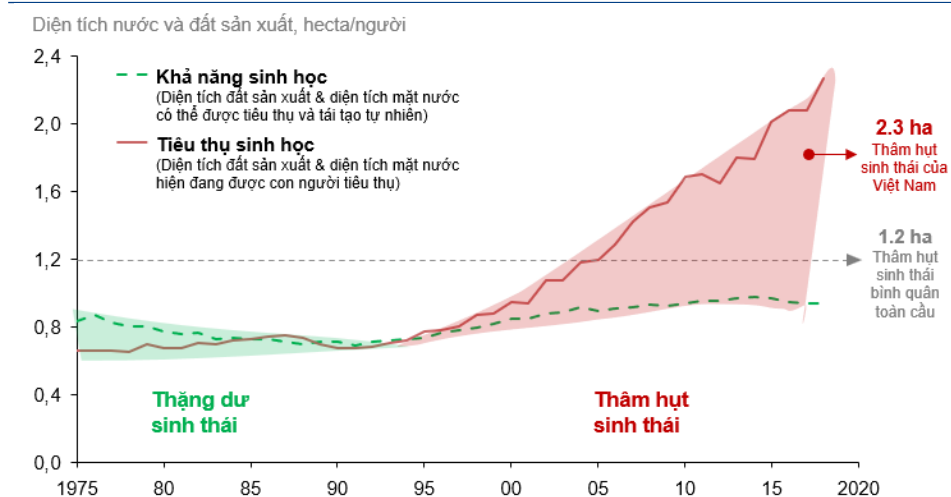


Nguồn: Trung tâm Nghiên cứu Dịch tễ học Thiên tai, IMF, HSC

* Chi phí bình quân hàng năm do thiên tai gây ra / GDP danh nghĩa trong giai đoạn 1990-2023

Biểu đồ 7: Dấu ấn sinh thái của Việt Nam

Tốc độ tăng trưởng kinh tế và công nghiệp hóa nhanh chóng của Việt Nam đã gây tổn hại cho hệ sinh thái của nước này

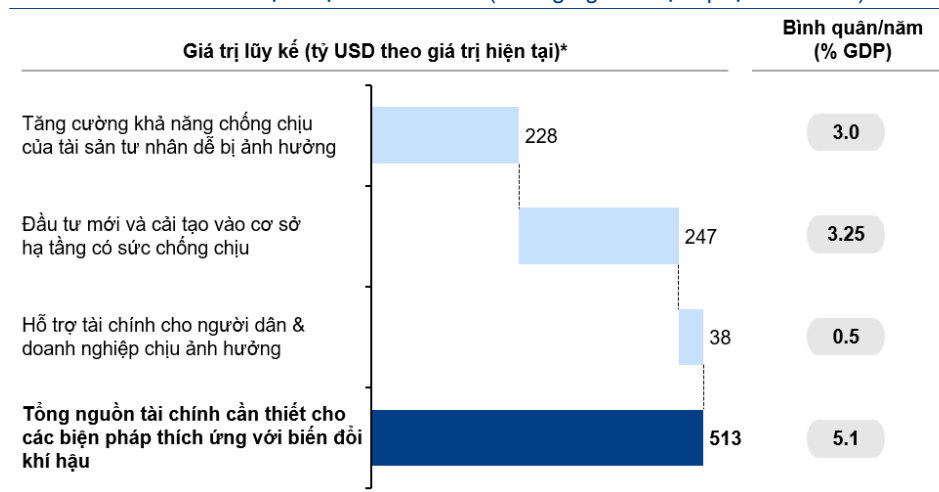


Nguồn: Global Footprint Network, HSC

Điều này nhấn mạnh sự cấp thiết phải tích hợp các hoạt động bền vững vào chiến lược phát triển của Việt Nam. Tuy nhiên, chi phí xây dựng một nền kinh tế có khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu sẽ rất tốn kém, đặc biệt là trong thập kỷ đầu tiên khi chi phí nâng cao năng lực chống chịu có thể lớn hơn lợi ích, từ đó đặt ra những thách thức đáng kể cho các nhà hoạch định chính sách (Biểu đồ 8).

Biểu đồ 8: Nguồn tài chính cần thiết để xây dựng một nền kinh tế có khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu

Trong thập kỷ đầu tiên, chi phí nâng cao năng lực chống chịu sẽ cao hơn lợi ích, tạo thách thức lớn cho các nhà hoạch định chính sách (những người chịu áp lực tài chính)

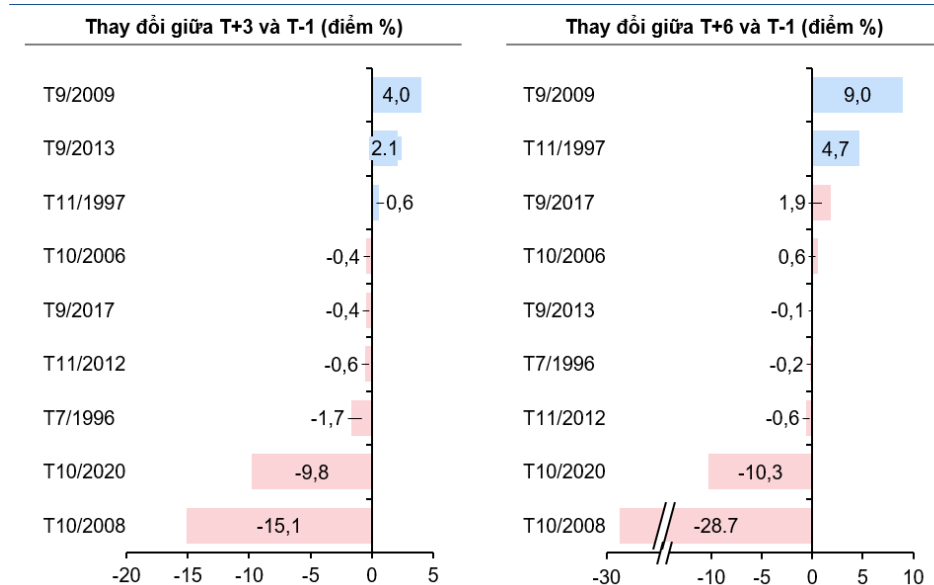


Nguồn: Ngân hàng Thế giới, HSC

* Giá trị hiện tại ròng của Ngân hàng Thế giới phản ánh tỷ lệ chiết khấu 6%

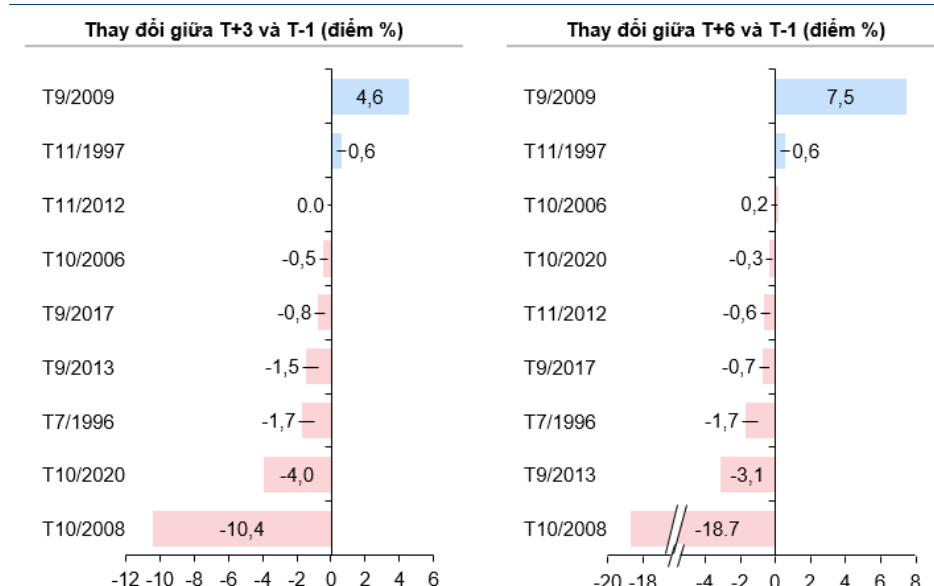
Phụ lục

Biểu đồ 9: Thay đổi CPI lương thực & thực phẩm trong các thảm họa trước đây (y/y)
Giá lương thực & thực phẩm có xu hướng giảm so với cùng kỳ sau các thảm họa lớn



Nguồn: GSO, CEIC, HSC
*Ghi chú: Do thiếu dữ liệu, CPI lương thực & thực phẩm trong 2 sự kiện diễn ra vào tháng 7/1996 & tháng 11/1997 được giả định bằng CPI tổng thể

Biểu đồ 10: Thay đổi CPI tổng thể trong những thảm họa trong quá khứ (y/y)
CPI tổng thể có xu hướng giảm nhẹ sau thảm họa, ngoại trừ các sự kiện xảy ra trong tháng 9/2009 & tháng 11/1997



Nguồn: GSO, CEIC, HSC

Bảng 11: Dữ liệu kinh tế vĩ mô thực tế & dự báo của HSC

	2018	2019	2020	2021	2022	2023E	2024F	2025F	2026F
Tỷ giá									
Tỷ giá (VND: USD) (cuối năm)	23,210	23,155	23,085	22,765	23,555	24,265	24,950	24,850	24,750
Tỷ giá (VND: CNY)	3,562	3,317	3,535	3,579	3,415	3,418	3,418	3,451	3,438
GDP và việc làm									
Tốc độ tăng trưởng GDP hàng năm (%)	7.47	7.36	2.87	2.58	8.10	5.05	6.20	6.50	6.50
GDP (tỷ USD)	304	332	346	370	408	434	452	500	551
GDP bình quân đầu người (USD)	3,202	3,398	3,558	3,757	4,101	4,324	4,467	4,900	5,347
Tài khoản vãng lai/GDP (%)	1.89	3.67	4.35	-2.20	-0.26	6.50	4.42	5.00	4.54
Nợ công/GDP (%)	46.2	42.8	43.8	44.7	38.0	39.8	40.1	39.2	38.3
Nợ Chính phủ/GDP (%)	39.5	37.4	38.5	39.6	34.7	36.8	36.8	36.2	35.6
Thâm hụt ngân sách Nhà nước (% GDP)	2.21	2.09	2.71	3.76	3.08	4.46	3.54	2.81	2.57
Tổng dư nợ tín dụng / GDP	102.9	106.3	115.0	124.4	125.3	132.7	137.7	142.4	146.8
Tỷ lệ thất nghiệp, cuối năm (%)	2.19	2.15	2.63	3.56	2.32	2.26	2.30	2.30	2.30
Giá cả									
Lạm phát bình quân 12 tháng (% so với cùng kỳ)	3.5	2.8	3.2	1.8	3.1	3.3	3.8	3.4	3.3
CPI, cuối năm (% so với cùng kỳ)	3.0	5.2	0.2	1.8	4.5	3.6	3.2	3.4	3.3
Tiền tệ và lãi suất									
Lãi suất điều hành (%)	6.25	6.00	4.00	4.00	6.00	4.50	4.50	4.25	4.25
Lãi suất qua đêm liên ngân hàng (%)	3.9	1.4	0.2	0.7	4.4	0.5	4.5	3.5	3.0
Tăng trưởng tín dụng (y/y %)	10.7	13.6	12.2	13.6	14.2	13.5	14.5	14.0	13.0
Cung tiền M2 (nghìn tỷ đồng)	9,212	10,574	12,111	13,402	14,227	15,999	18,079	20,248	22,678
Cung tiền M2 (% so với cùng kỳ)	12.4	14.8	14.5	10.7	6.2	12.5	13.0	12.0	12.0
Dự trữ ngoại hối (tỷ USD)	55	79	95	107	85	90	90	105	121
Lãi suất tiền gửi 12 tháng (%)	6.8	6.8	5.6	5.5	7.4	4.8	5.5	6.0	6.2
Trần lãi suất huy động (< 6 tháng, %)	5.0	5.0	4.0	4.0	6.0	4.75	4.75	4.75	4.75
Trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 5 năm (%)	4.4	2.4	1.2	1.0	4.6	1.9	2.6	3.0	3.1
Trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 10 năm (%)	4.9	3.2	2.0	2.9	4.8	2.2	2.8	3.2	3.3
Thương mại và kinh tế đối ngoại									
Cán cân thương mại (tỷ USD)	7.2	10.9	19.9	3.3	12.1	28.4	24.2	27.1	30.1
Tài khoản vãng lai (tỷ USD)	5.8	12.2	15.1	-8.1	-1.1	28.2	20.0	25.0	25.0
Kim ngạch nhập khẩu (tỷ USD)	238	253	263	333	360	326	384	430	477
Kim ngạch nhập khẩu (% so với cùng kỳ)	12.5	6.7	3.7	26.7	8.0	-9.2	17.5	12.0	11.0
Kim ngạch xuất khẩu (tỷ USD)	245	264	283	336	372	355	408	457	507
Kim ngạch xuất khẩu (% so với cùng kỳ)	14.5	8.0	6.9	18.9	10.6	-4.6	15.0	12.0	11.0
Nợ nước ngoài (tỷ USD)	110	123	129	140	148	159	165	180	195
Nợ nước ngoài/GDP (%)	36.1	36.9	37.3	37.7	36.2	36.6	36.5	36.0	35.4
Vốn FDI giải ngân (tỷ USD)	19.1	20.4	20.0	19.7	22.4	23.2	25.3	28.3	31.1
Vốn FDI cam kết (tỷ USD)	35.5	38.0	28.5	31.2	27.7	36.6	39.9	43.5	47.8
Kinh doanh & Tiêu dùng									
PMI ngành sản xuất (cuối năm)	53.8	50.8	51.7	52.5	46.4	48.9	50.9	52.0	51.0
Giá trị sản xuất công nghiệp (% so với cùng kỳ) (cuối năm)	11.4	6.2	9.5	8.7	0.2	5.8	8.1	9.0	9.0
Giá trị sx ngành chế biến chế tạo (% so với cùng kỳ) (cuối năm)	13.7	7.0	13.1	10.9	0.6	7.6	10.0	10.0	9.5
Giá trị sx ngành chế biến chế tạo hàng năm (%)	12.3	10.5	4.9	6.0	8.0	3.6	8.0	8.5	8.5
Doanh số bán lẻ TB năm (%)	11.0	11.3	-0.9	-9.1	19.8	9.6	9.0	9.0	9.0

Ghi chú: Lạm phát bình quân 12 tháng là lạm phát bình quân trượt 12 tháng của lạm phát tổng thể so với cùng kỳ, sử dụng phép tính trung bình nhân.

$$\text{Lạm phát trung bình 12 tháng tại thời điểm } t0 = [(1 + \text{lạm phát } y/y \text{ tại thời điểm } t-11) \times \dots \times (1 + \text{lạm phát } y/y \text{ tại thời điểm } t0)]^{1/12} - 1$$

 Nguồn: Bloomberg, GSO, IMF, MoF, WB, HSC

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
 Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
 Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
 Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
 Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
 Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
 76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
 T: (+84 28) 3823 3299
 F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
 16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
 T: (+84 24) 3933 4693
 F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn